TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 13/8/2024.
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Văn Mến

2. Bà Hà Ngân Kim Tới

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 125/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2024 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc N; Sinh năm 1990; Địa chỉ: Số E, đường L, phường A, quận F, thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Phạm Hồng P; Sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện do bà Nguyễn Thị Ngọc N lập ngày 02/4/2024 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N trình bày như sau: Bà và ông Phạm Hồng P kết hôn với nhau vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận F, thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng kết hôn ngày 26/11/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông P không lo lắng chăm sóc gia đình nên vợ chồng thường hay cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc như trước, do đó vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Trong thời gian chung sống bà và ông Phạm Hồng P có 01 đứa con chung tên Phạm Hồng P1, sinh ngày 22/3/2010 và hiện nay cháu P1 đang sống với bà; Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Nay bà Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Phạm Hồng P; Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phạm Hồng P1, sinh ngày 22/3/2010 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Phạm Hồng P, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phạm Hồng P nhưng ông P không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc N và không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa theo triệu tập.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 02/4/2024, bà Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Hồng P có nơi cư trú tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Hồng P vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Phạm Hồng P tự nguyện kết hôn với nhau có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận F, thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng kết hôn ngày 26/11/2009

nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Phạm Hồng P là hợp pháp. Nhưng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc cho nên đến năm 2017 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và bà Nguyễn Thị Ngọc N làm đơn khởi kiện để xin ly hôn tại Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ chồng bà N, ông P đoàn tụ với nhau, tuy nhiên phía ông P vắng mặt và bà N có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Phạm Hồng P đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà N xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung: Trong thời gian sống chung bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Phạm Hồng P có 01 đứa con chung tên Phạm Hồng P1, sinh ngày 22/3/2010 và hiện nay cháu P1 đang sống với bà N và bà N có nguyện vọng được nuôi cháu P1 đến trưởng thành. Xét thấy, từ ngày bà N, ông P ly thân cho đến nay cháu P1 sống với bà N, bà N vẫn đảm bảo cuộc sống của cháu và để tránh cuộc sống của cháu P1 bị xáo trộn khi cha mẹ ly hôn nên cần ổn định cuộc sống hiện tại cho cháu và yêu cầu của bà N là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên của bà N, cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu P1. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Hồng P1, sinh ngày 22/3/2010 cho bà Nguyễn Thị Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên là có căn cứ.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Ngọc N xác định hiện nay có điều kiện kinh tế ổn định và đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu P1 nên không yêu cầu ông Phạm Hồng P cấp dưỡng cho con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không buộc ông Phạm Hồng P cấp dưỡng nuôi con chung

[8] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Ngọc N chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Phạm Hồng P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn với ông Phạm Hồng P.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Phạm Hồng P là cháu Phạm Hồng P1, sinh ngày 22/3/2010 đến khi thành niên (hiện nay cháu P1 đang sống chung với bà N).

Ông Phạm Hồng P có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu P1 mà không ai được cản trở. Ông Phạm Hồng P không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P1 của bà Nguyễn Thị Ngọc N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Ngọc N không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc N chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004132, ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, bà Nguyễn Thị Ngọc N đã thực hiện xong. Ông Phạm Hồng P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND phường 10, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các bên đương sự;
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lý Công Minh